

Số: 553/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển
công nghiệp sinh học đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Kết luận số 06-KL/TW ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030 (gọi tắt là Kế hoạch tổng thể) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp sinh học, đổi mới cơ chế chính sách, tranh thủ hợp tác và hỗ trợ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư và sản xuất sản phẩm từ công nghệ sinh học (gọi tắt là doanh nghiệp công nghiệp sinh học) trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng (gọi tắt là các ngành, lĩnh vực) và trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục vụ an sinh xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

a) Đến năm 2025:

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học trong các ngành, lĩnh vực, ưu tiên nhóm sản phẩm trong nông nghiệp, y dược, công thương. Phát triển tăng 20% số lượng doanh nghiệp công nghiệp sinh học, góp phần đóng góp tối thiểu 5% GDP từ công nghiệp sinh học.

- Đầu tư mới, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, tổ chức khoa học và công nghệ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học. Tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm công nghệ sinh học quốc gia, các phòng thí nghiệm trọng điểm tại ba miền Bắc, Trung, Nam đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp sinh học và kiểm định an toàn sinh học.

- Đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành công nghệ sinh học đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề bảo đảm chất lượng, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên gia trình độ cao (thạc sỹ, tiến sỹ, sau tiến sỹ) phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

b) Đến năm 2030:

- Tạo động lực đột phá, huy động nguồn lực phát triển tăng tối thiểu 50% các doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế; góp phần đạt tối thiểu 7% GDP từ công nghiệp sinh học.

- Tiếp tục đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, tổ chức khoa học và công nghệ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành công nghệ sinh học đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển công nghiệp sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề bảo đảm chất lượng, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên gia đầu ngành chủ động phát triển công nghệ phục vụ công nghiệp sinh học.

II. NỘI DUNG

1. Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp

Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong nông, lâm, thủy sản với các nhóm chủ yếu sau:

a) Sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

b) Sản phẩm phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sản phẩm xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi...

c) Sản phẩm sinh học phục vụ bảo quản chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy, hải sản.

d) Vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi; thuốc thú y sinh học; kit sử dụng cho chẩn đoán, quản lý dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản và kiểm soát dư lượng các chất cấm.

đ) Thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực y dược

Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực y dược với các nhóm chủ yếu sau:

a) Các loại vắc-xin phòng bệnh cho người trong chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia và các vắc-xin khác phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

b) Sản phẩm giống dược liệu, hoạt chất từ dược liệu, sản xuất và bảo quản dược liệu.

c) Thuốc sinh học, thuốc kháng sinh, sản phẩm sinh học, sản phẩm kháng thể phục vụ điều trị bệnh ở người.

d) Kít phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, giám định bệnh ở người.

đ) Các loại thực phẩm chức năng phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

e) Thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực y dược.

3. Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực công thương

Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực công thương với các nhóm chủ yếu sau:

a) Các chế phẩm vi sinh và sản phẩm thứ cấp từ công nghiệp vi sinh, các chất bảo quản, phụ gia, màu thực phẩm, axit hữu cơ, axit amin, protein..., sản phẩm enzyme (bao gồm cả enzyme tái tổ hợp).

b) Các loại sản phẩm đồ uống lên men, nhiên liệu sinh học.

c) Các axit amin, axit hữu cơ, nguyên liệu hóa dược.

d) Thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực công thương.

4. Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với các nhóm chủ yếu sau:

a) Các chế phẩm xử lý chất thải trong sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt.

b) Thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5. Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực an ninh quốc phòng

Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực an ninh quốc phòng với các nhóm chủ yếu sau:

a) Thẻ ADN nhận dạng cá thể người và các bộ kit chẩn đoán chuyên dụng khác trong lĩnh vực an ninh quốc phòng.

b) Các sản phẩm, thiết bị sử dụng trong an ninh, quốc phòng.

6. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật:

a) Đầu tư mới, nâng cấp phòng thí nghiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học trong các ngành, lĩnh vực.

b) Hỗ trợ đầu tư mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật cho các doanh nghiệp công nghiệp sinh học thuộc các ngành, lĩnh vực.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ

a) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, làm chủ công nghệ sản xuất các sản phẩm công nghiệp sinh học thuộc các ngành, lĩnh vực.

b) Nâng cao năng lực các tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm kiểm định an toàn sinh học, các phòng kỹ thuật công nghệ của các công ty để có đủ khả năng tiếp cận, nghiên cứu, triển khai các công nghệ mới phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh các sản phẩm.

2. Giải pháp về đầu tư và tài chính

Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất quy mô công nghiệp và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học theo cơ chế thị trường, bao gồm:

a) Chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng các dự án đầu tư và thành lập các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, ưu đãi thuế sử dụng đất, giao đất hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ chuyển giao công nghệ;

b) Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cao, thuế thu nhập cá nhân và các hình thức ưu đãi về thuế khác cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có các hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sinh học; tăng thuế nhập khẩu đối với các loại thành phẩm, sản phẩm mà trong nước đã sản xuất được trên cơ sở các cam kết của Việt Nam khi gia nhập.

c) Huy động nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước từ nhiều thành phần kinh tế nhằm thực hiện đầu tư mới, nâng cấp các doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của các tổ chức khoa học và công nghệ, chuyên gia công nghệ và doanh nghiệp công nghiệp sinh học.

b) Thực hiện quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành công nghệ sinh học đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề bảo đảm chất lượng, trong đó chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trình độ cao (thạc sỹ, tiến sỹ, sau tiến sỹ), chuyên gia đầu ngành làm chủ công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

4. Về hợp tác quốc tế

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo chuyên gia công nghệ, chuyên gia công nghệ, chú trọng hợp tác với các nước có nền công nghiệp sinh học phát triển.

b) Tạo điều kiện để các doanh nghiệp chủ động hợp tác và tiếp nhận chuyên gia công nghệ từ nước ngoài những công nghệ sản xuất công nghiệp sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

5. Thông tin truyền thông

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung trong Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chương trình hành động của Chính phủ để tạo sự chuyên biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển công nghiệp sinh học thành một ngành kinh tế - kỹ thuật có đóng góp lớn trong tăng trưởng kinh tế quốc dân.

b) Phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, giới thiệu mô hình doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong các lĩnh vực.

c) Tuyên truyền khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghiệp sinh học sản xuất trong nước và xây dựng thương hiệu Việt Nam.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Giúp Chính phủ điều phối, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện Kế hoạch tổng thể; tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện rà soát, bổ sung cơ chế chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng mạng lưới quản lý và kiểm định an toàn sinh học trong cả nước.

d) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 về "Quy hoạch mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu và các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học của Việt Nam đến năm 2025".

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng nội dung, lộ trình, nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Tiếp tục rà soát, triển khai các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 11/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2006 về "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020" và Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2007 về "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020". Trường hợp cần thiết trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ của các quyết định nêu trên.

3. Bộ Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng nội dung, lộ trình, nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực y dược đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Xây dựng cơ chế chính sách phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực y dược.

4. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng nội dung, lộ trình, nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực công thương đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực công thương.

b) Tiếp tục rà soát, triển khai các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 14/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2007 về "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020". Trong trường hợp cần thiết trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định trên.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng nội dung, lộ trình, nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực môi trường đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực môi trường.

b) Tiếp tục rà soát, triển khai các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 về "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020". Trong trường hợp cần thiết trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định trên.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp sinh học đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 về "Quy hoạch mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu và các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học của Việt Nam đến năm 2025".

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì việc huy động các nguồn vốn đầu tư, trong đó có vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia và các phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học, các trung tâm an toàn sinh học theo vùng, miền và đầu tư phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc trung ương thẩm định, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

8. Bộ Tài chính

a) Chủ trì xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, hợp tác công tư đối với các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực về cơ sở vật chất kỹ thuật cho công nghiệp sinh học.

9. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng tiêu chí, lộ trình, nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực an ninh quốc phòng đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Phối hợp với các bộ, ngành tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư sản xuất công nghiệp sinh học phù hợp với kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan triển khai xây dựng 03 trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia theo kế hoạch và nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 về "Quy hoạch mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu và các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học của Việt Nam đến năm 2025".

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch tổng thể được bảo đảm từ: Ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay từ các tổ chức tín dụng, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, khuyến khích nguồn vốn tự đầu tư của các doanh nghiệp hoặc đầu tư theo hình thức công - tư để phát triển công nghiệp sinh học.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hàng năm được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của bộ, ngành và địa phương được giao chủ trì nhiệm vụ.

3. Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, là nguồn chủ yếu để phát triển công nghiệp sinh học, việc lập dự toán được thực hiện theo các quy định pháp luật đối với từng nguồn vốn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, CN, NN, NC, TH, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX (3).^{xh} 115



Nguyễn Xuân Phúc